

Số: 21/2023/QĐST-VHNGĐ

Củ Chi, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 1419/2022/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Trần Quốc B, sinh năm 1990

HKTT: Ấp V, xã MTT, huyện ĐH, tỉnh LA

Địa chỉ: Số 49/2, đường BT, Tổ 12, ấp TA, xã TA, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 49/2, đường BT, Tổ 12, ấp TA, xã TA, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quốc B và bà Phạm Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà H được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh D, sinh ngày 14/10/2018. Ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thi hành từ ngày 29/01/2023.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm giao tiền thì

hàng tháng ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Bà H và ông B xác định không có.
- Về nợ chung: Bà H và ông B xác định không có.
- Về lệ phí sơ thẩm: Bà H và ông B mỗi người phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H và ông B đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0019908 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H và ông B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Túy Phụng